TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HS-ST
Ngày 21-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên - Giáo viên nghỉ hưu

Bà Hoàng Thị Hanh - Giáo viên nghỉ hưu

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Trần Văn N, sinh ngày 24/7/2007 tại xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn DL, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1976, cùng địa chỉ: Thôn DL, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, bà Thu có mặt, ông T vắng mặt

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 2005, địa chỉ: Thôn DL, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1976, cùng địa chỉ: Thôn DL, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, bà Th có mặt, ông T vắng mặt

+ Bà Phạm Thị Th2, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn DL, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

+ Anh Hoàng Văn Tr, sinh năm 2002, địa chỉ: TDP CY 2, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 10/9/2023, Trần Văn N đến nhà anh Nguyễn Văn Th1 (bạn N) chơi, thấy bố mẹ của Th1 không ở nhà, chỉ có Th1 ở nhà một mình. Trần Văn N nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 88K1- 383.97 (xe có đăng ký đứng tên bà Phạm Thị Th2 là mẹ Th1, bà Th2 giao cho Th1 quản lý, sử dụng xe), đang để ở nhà Th1 nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trần Văn N không thực hiện ý định phạm tội ngay mà giả vờ ngồi chơi cùng anh Th1 một lúc rồi ra về. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, N quay lại nhà anh Th1 và nói dối anh Th1 là mượn xe mô tô để đi mua mì tôm ở quán tạp hóa gần đó rồi sẽ trả lại ngay. Anh Th1 tin lời của N nên đồng ý và giao chiếc xe mô tô BKS: 88K1-383.97 cho N. Sau khi mượn được xe mô tô của anh Th1, N điều khiển xe mô tô đi thẳng đến cửa hàng mua bán xe cũ của anh Hoàng Văn Tr, sinh năm 2002 ở tổ dân phố CY 2, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc nói dối là xe của N, hiện bố mẹ N đang cầm giấy tờ xe, N đang cần tiền nên bán xe, sẽ đưa giấy tờ xe sau. Anh Trường tin tưởng nên đồng ý mua xe mô tô trên với số tiền 5.000.000đồng. Sau khi bán xe mô tô cho anh Trường xong, N cầm tiền và chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn. Đến chiều tối cùng ngày, anh Th1 nhắn tin và gọi điện cho Trần Văn N yêu cầu trả lại xe mô tô nhưng N không nghe điện và không trả lời tin nhắn nên anh Th1 và gia đình đã làm đơn trình báo cơ quan Công an giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 11/9/2023, anh Hoàng Văn Tr đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Công an huyện TD.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TD kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô BKS: 88K1-383.97 tại thời điểm tháng 9/2023 là: 11.800.000đồng.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bà Hoàng Thị Th (mẹ của Trần Văn N) đã tự nguyên bồi thường số tiền 5.000.000đồng cho gia đình anh Nguyễn Văn Th1. Gia đình anh Th1 đã trả số tiền 5.000.000đồng cho anh Hoàng Văn Tr, anh Trường không yêu cầu gì thêm

Quá trình điều tra xác định:

Khi Trần Văn N bán xe cho anh Hoàng Văn Tr, N nói là xe của N, anh Trường không biết nguồn gốc xe do N phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Chiếc mô tô BKS: 88K1-383.97 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị Th2, ngày 10/10/2023, Công an huyện TD đã trả lại cho bà Phạm Thị Th2, bà Th2 nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Số tiền 5.000.000đồng bà Thu bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn Th1 là tiền của vợ chồng bà Thu, ông T (bố mẹ N), bà Thu và ông T không yêu cầu N hoàn trả số tiền trên.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKSTD ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố Trần Văn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo N không bào chữa và tranh luận bổ sung gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Do có quan hệ bạn bè với anh Nguyễn Văn Th1, nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/9/2023, Trần Văn N đã nói dối anh Th1 là mượn xe mô tô Honda Wave 88K1-383.97 của bà Phạm Thị Th2 là mẹ của anh Th1 giao cho anh Th1 quản lý, sử dụng để đi mua mì tôm, sau đó chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên rồi đi đến gặp anh Hoàng Văn Tr để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và không có khả năng trả lại; trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.800.000đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi gian dối của Trần Văn N để chiếm đoạt tài sản của bà Th2 do anh Th1 quản lý, sử dụng, đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là tác động gia đình thực hiện việc bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng 17 ngày) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 10/10/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Phạm Thị Th2 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 88K1-383.97.

Đối với số tiền 5.000.000đồng mà bà Thu đã bồi thường cho bị hại, bà Thu và ông T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn N 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- UBND xã HĐ - TD - VP;
- Bị cáo, ĐS;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Minh Hoàng